

Bản án số: 08/2022/HS-PT.

Ngày: 04/4/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Thư và ông Trần Tỷ.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Lê Trần Công T và A R. Do có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Trần Công T và A R đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Trần Công T: sinh năm 1982 tại K; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án: 06:

- Ngày 26/6/2000, bị TAND thị xã K xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*”. Đến ngày 30/9/2000 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 22/03/2001, bị TAND huyện N, tỉnh K xử phạt 36 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đến ngày 08/12/2003 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 28/6/2004, bị TAND huyện N, tỉnh K xử phạt 48 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 11/5/2008 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 13/01/2009, bị TAND huyện N, tỉnh Kon T xử phạt 60 tháng tù về tội về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 26/9/2013 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 29/07/2014, bị TAND tỉnh K xử phạt 60 tháng tù về tội về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 25/05/2016, bị TAND huyện M, tỉnh G xử phạt 20 tháng tù về tội về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt chung hai bản án của TAND tỉnh K và TAND huyện M, tỉnh G là 4 năm 10 tháng 18 ngày. Đến ngày 21/9/2020 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2021 đến nay (có mặt).

2. A R (Tên gọi khác: Van), sinh năm 1993 tại K; Trú tại: Thôn P, phường L, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A K, sinh năm 1970 và bà Y R, sinh năm 1972; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân:

Ngày 11/5/2015, bị TAND thành phố K xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Đã được xóa án tích).

Ngày 01/3/2017, bị TAND thành phố K xử phạt 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đến ngày 27/12/2018 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2021 đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/7/2021, Lê Trần Công T gọi điện thoại cho Đ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) để mua ma túy với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) thì Đ đồng ý và hẹn T đến quán nước mía (*Đầu đường vào bệnh viện huyện H, tỉnh Kon Tum*) để lấy ma túy. T đi xe bus đến điểm hẹn gặp Đ, T đưa tiền cho Đ và Đ đưa lại cho T 01 gói thuốc là EAGLE, mở ra thấy bên trong có nhiều gói ma túy nhỏ, T cất ma túy vào trong túi áo khoác rồi đón xe bus đi xuống thành phố K và thuê xe taxi (*không rõ BKS*) đi đến nhà nghỉ M, xã C, thành phố K để gặp H (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*). Tại đây, T thuê phòng số 03 để ở chung với bạn gái là Y H, thuê phòng số 04 cho H, trước đó T đã thuê phòng số 05 cho A R ở chung với bạn gái là Y G. Sau khi nhận phòng xong, T qua phòng số 04 của H và cởi áo khoác của T ra và để tại đây. Hỏi H có đồ (ma túy) không thì lấy ra chơi T nói có ma túy nhưng không có bộ dụng cụ sử dụng ma túy thì H nói sẽ đi lấy. Sau đó, H đi sang phòng của A R và hỏi A R có dụng cụ chơi ma túy không thì A R nói có và A R đã đưa bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho H. H về lại phòng của mình thì T lấy một gói ma túy trong gói thuốc EAGLE ra đưa cho H một gói nhỏ, rồi T cất lại gói ma túy vào trong áo khoác rồi đi về phòng của mình tắm rửa sau đó qua lại phòng của H sử dụng ma túy với H. Lúc này, A R đi qua và vào phòng cùng sử dụng ma túy với T, H. Khoảng 30 phút sau, Y H đến chơi thì A R đi về phòng của mình, T và Y H đi về phòng của T. Vì lên cơn nghiện ma túy nên Y H bảo T sang phòng của H lấy bộ sử dụng ma túy về cho Y H chơi.

Sau khi chơi xong thì T mang bộ sử dụng ma túy qua lại phòng cho H rồi về phòng ngủ.

Đến khoảng 11h ngày 14/7/2021, T và Y H sang phòng H nhưng không gặp H, cả hai ngồi chơi tại phòng của H được một lúc thì A R qua và hỏi T còn ma túy không để sử dụng. T nói ma túy hôm qua chơi còn để trên bàn nên A R tiếp tục lấy ma túy đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy và cùng sử dụng với Y H, còn T không sử dụng nằm trên giường. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, lực lượng Công an đến kiểm tra hành chính, T lấy gói thuốc lá EAGLE trong áo khoác bên trong có chứa 41 gói ma túy ném xuống nền nhà dưới chân giường. A R thấy gói thuốc lá mở ra định hút thì thấy bên trong có ma túy nên đã ném xuống chân giường. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (Ống thủy tinh chứa chất tinh thể màu trắng đục), 01 gói thuốc lá hiệu EAGLE có chứa 41 gói chất tinh thể rắn, màu trắng. Công an thành phố Kon Tum đã lập biên bản bắt người phạm quả tang, biên bản niêm phong và niêm phong tang vật theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 128/KLGĐ – PC09 ngày 18/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- Mẫu chất tinh thể màu trắng đục (Ký hiệu M1) được niêm phong trong phong bì đánh số “01” gửi giám định là ma túy, có khối lượng **0,188 gam**, là loại **Methamphetamine**.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng đục (Ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4; M2.5; M2.6; M2.7; M2.8; M2.9; M2.10; M2.11; M2.12; M2.13; M2.14; M2.15; M2.16; M2.17; M2.18; M2.19; M2.20; M2.21; M2.22; M2.23; M2.24; M2.25; M2.26; M2.27; M2.28; M2.29; M2.30; M2.31; M2.32; M2.33; M2.34; M2.35; M2.36; M2.37; M2.38; M2.39; M2.40; M2.41) được niêm phong trong phong bì đánh số “02” gửi giám định là ma túy, có khối lượng **4,613 gam**, là loại **Methamphetamine**.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quyết định như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Trần Công T, A R phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Công T 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Công T 10 (Mười) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Trần Công T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/7/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A R 15 (*Mười lăm*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A R 07 (*Bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A R phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (*Tám*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/7/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2022, bị cáo Lê Trần Công T và A R có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Trần Công T giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo A R rút một phần kháng cáo về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trần Công T và A R là hợp lệ, nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo A R tại phiên tòa rút một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ phần bị cáo rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trần Công T và A R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Trần Công T và A R không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 14/7/2021, Lê Trần Công T bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ 4,613 gam ma túy, loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2016 ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai, bị cáo T đã bị áp dụng tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”. Hành vi của bị cáo Lê Trần Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A R đã tàng trữ số ma túy do T đưa cho còn lại trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo có khối lượng 0,188 gam Methamphetamine để bị cáo sau này sử dụng. Hành vi của bị cáo A R đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Mặt khác, T là người lựa chọn địa điểm, cung cấp chất ma túy cho bị cáo A R và đối tượng tên H, chị Y H để sử dụng. A R là người giúp sức chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức sử dụng ma túy tại nhà nghỉ M, xã C, thành phố Kon Tum. Lần thứ nhất T sử dụng ma túy cùng với H và A R, lần thứ hai T sử dụng với Y H, lần thứ ba A R sử dụng ma túy với Y H. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Trần Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”, “*Đối với hai người trở lên*” và “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo A R đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo theo tình tiết định khung “*Đối với hai người trở lên*” và “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Do đó, Tòa cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử đối với các bị cáo Lê Trần Công T và A R là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Lê Trần Công T:

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp 02 tài liệu: Bảng công nhận đạt danh hiệu cựu chiến binh gương mẫu và Giấy có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của cha để bị cáo là ông Lê Văn L là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã có nhiều tiền án, cả 06 tiền án đều chưa được xóa án tích, sau khi ra tù bị cáo không chịu tu chí làm ăn, sinh sống lương thiện mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, chứng tỏ là người coi thường, bất chấp pháp luật. Căn cứ vào tình hình chính trị tại địa phương, tội phạm vi phạm về ma túy đang

có chiều hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là cần thiết để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và nâng cao ý thức phòng chống tội phạm của nhân dân. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Trần Công T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 10 (Mười) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Trần Công T.

- Đối với bị cáo A R:

Khi xét xử, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác để xem xét.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Bị cáo là người có nhân thân xấu, do đó, việc xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết. Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A R 07 (Bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A R.

Tại phiên tòa, bị cáo A R rút một phần kháng cáo đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị cáo hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ phần kháng cáo này.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Trần Công T và A R, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị cáo A R về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Trần Công T và A R, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Trần Công T, A R phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Công T **07 (Bảy)** năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Công T **10 (Mười)** năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Trần Công T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/7/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A R **15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A R **07 (Bảy)** năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A R phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **08 (Tám)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/7/2021.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án: Các bị cáo Lê Trần Công T và A R, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/4/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- TAND thành phố Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Nguyên